

KÍCH CẦU NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN THÀNH CÔNG VÀ HIỆN TẠI

PHƯƠNG NGỌC THẠCH*

Theo một báo cáo do Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO) công bố ngày 14/10/2009, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trong năm 2008 - 2009 đã dẫn đến nạn đói lan tràn khắp mọi nơi và tính đến nay có khoảng 1,02 tỉ người (chiếm 1/6 dân số thế giới) đang sống trong tình trạng đói khát. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 1970, số người thiếu ăn trên thế giới vượt ngưỡng 1 tỉ người. Phần lớn người bị đói thuộc các vùng châu Á - Thái Bình Dương (642 triệu người), kế tiếp là vùng hạ Sahara châu Phi (265 triệu người), Mỹ Latinh (53 triệu người), khu vực Trung Đông và Bắc Phi (42 triệu người). Số người bị đói tại các nước phát triển ước tính 15 triệu người.

Để thoát khỏi khủng hoảng kinh tế, nhiều nước đã đưa ra các gói kích thích kinh tế. Chính phủ Malaysia đã công bố gói kích thích kinh tế thứ hai trị giá 60 tỉ ringgit (tương đương 16,3 tỉ USD), nhiều gấp tám lần gói kích thích kinh tế thứ nhất công bố năm 2008, Trung Quốc đưa ra gói kích thích kinh tế trị giá 40.000 tỉ nhân dân tệ (tương đương 685 tỉ USD), Hàn Quốc thông báo kế hoạch trọn gói trị giá 14.000 tỉ won (tương đương 10,9 tỉ USD). Nga đưa gói kích cầu 340 tỷ USD. Chỉ riêng nước Mỹ gói kích cầu đã lên đến 800 tỷ đôla.

Trước những tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính toàn cầu và ngăn chặn suy giảm kinh tế, từ đầu năm 2009, nước ta đã đưa ra gói kích thích kinh tế. Tiếp đến ngày 17/4/2009, Chính phủ ban hành Quyết định 497/QĐ-TTg về kích cầu khu vực nông nghiệp, nông thôn. Gói kích cầu hướng vào phục vụ sản xuất và tiêu dùng khu vực nông nghiệp, nông thôn, một trong những khu vực chịu nhiều ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu là hợp lý.

* PGS.TS. Hội Khoa học Kinh tế và Quản lý TP.Hồ Chí Minh.

Một đất nước mà 70% dân số đang ở nông thôn, làm nông nghiệp, nơi có nhiều người nghèo và thu nhập thấp thì kích cầu vào khu vực này chúng ta sẽ đạt được nhiều mục đích: Kích thích sản xuất, tiêu dùng, tạo công ăn việc làm, bảo đảm an sinh xã hội.

Theo nhận định của các nhà kinh tế không thể không đầu tư cho nông thôn vì đây là bộ phận giảm xóc cho nền kinh tế, không thể không cải thiện phúc lợi của người dân, đặc biệt là những người bị ảnh hưởng nhiều để giảm bớt nguy cơ bất ổn xã hội...

Nông nghiệp là khu vực giữ ổn định cho nền kinh tế khi gặp khó khăn, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế. Nhìn chung, những giai đoạn kinh tế khó khăn, đầu tư tăng thì đóng góp của lĩnh vực nông nghiệp cho tăng trưởng GDP thường tăng lên, bù đắp đáng kể duy trì tăng trưởng kinh tế đất nước. Đầu tư vào các ngành nông nghiệp và công nghệ chế biến thực phẩm sẽ tạo ra hiệu quả kích cầu mạnh hơn so với đầu tư vào các ngành công nghiệp chế biến, khai khoáng hay dịch vụ. Theo tính toán, nếu tăng cầu 1% trong nông nghiệp, nông thôn sẽ làm tăng GDP cả nước lên 1,2%. Kích cầu vào khu vực nông thôn có sức lan tỏa mạnh nhất khi tăng 1.000 đồng tiêu dùng của khu vực nông thôn sẽ kích thích sản xuất ra 1.622 đồng. Nông thôn là nơi tạo ra việc làm nhanh, đặc biệt cho những lao động mất việc phải rời khỏi khu vực phi nông nghiệp. Theo nghiên cứu của IPSARD, kích cầu 1% GDP vào nông nghiệp sẽ tạo thêm 1 triệu việc làm mới, lớn hơn nhiều so với kích cầu với cùng số tiền vào công nghiệp hay dịch vụ (chỉ tạo ra 200.000 - 370.000 việc làm). Qua một nghiên cứu được thực hiện bởi Viện chiến lược và chính sách phát triển Nông nghiệp nông thôn cho thấy, khi kích cầu vào nông nghiệp sẽ làm tăng thu nhập cho hộ nông thôn là 1,63%, hộ đô thị tăng 0,38%.

Nông nghiệp - nông thôn Việt Nam đã từng “cứu” Việt Nam qua hai cuộc biến động kinh tế lớn cuối thế kỷ 20 nhờ khả năng hấp thụ lao động của nó. Lần thứ nhất là giai đoạn 1989 - 1991, khi đất nước chuyển sang kinh tế thị trường và hàng loạt doanh nghiệp Nhà nước bị đóng cửa, giải thể hay sa thải lao động. Năm 1989 khi công nghiệp tăng trưởng âm, trong phát triển sản xuất nông nghiệp lần đầu tiên sau nhiều năm thiếu lương thực nghiêm trọng, đất nước ta đã đủ gạo ăn rồi thừa ăn, có gạo xuất khẩu. Trong thập niên những năm 1990, sản lượng lương thực quy thóc từ 22 triệu tấn (năm 1991) tăng lên 35,6 triệu tấn (năm 2000), sản lượng lương thực tăng bình quân mỗi năm 1,1 triệu tấn, bình quân mỗi năm tăng 5%. Lần thứ hai là trong khủng hoảng tài chính châu Á 1997 - 1998. Năm 1999, tăng vốn đầu tư cho nông nghiệp đã tạo ra nhiều việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn, vượt qua khủng hoảng kinh tế châu Á.

Năm 2009 khu vực kinh tế nông nghiệp là khu vực bị tổn thương nặng nề nhất bởi suy thoái toàn cầu. Thực tế cho thấy, khủng hoảng tài chính đa tác

động xấu đến thị trường xuất khẩu ở hầu hết các mặt hàng nông sản Việt Nam. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, tình hình xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa đối với các mặt hàng nông, lâm, thủy sản trong năm 2009 đã gặp khó khăn rất lớn về thị trường tiêu thụ. Sức mua hàng hóa của Việt Nam từ các nước giảm đáng kể. Một số mặt hàng chủ lực như cao su, đồ gỗ và thủy sản đã bị suy giảm mạnh, nhiều nhà máy đã phải giảm công suất sản xuất. Song vzi sự đóng góp của khu vực kinh tế nông, lâm, thủy sản mà đặc biệt là lương thực, chúng ta đã và đang vượt qua ảnh hưởng suy thoái kinh tế thế giới đến nước ta. Chính sách kích cầu vào nông dân - nông thôn thực sự là một giải pháp đúng đắn đưa đất nước bước ra khỏi khủng hoảng.

Có thể nói nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó nông dân giữ vai trò chủ thể trong nền sản xuất nông nghiệp của nước ta, không những họ là chỗ dựa vững chắc cho đất nước trong mọi thời kỳ cách mạng, mà ngay trong các cuộc khủng hoảng kinh tế, họ cũng là chỗ dựa vững chắc để đất nước vượt lên mọi khó khăn, thử thách.

Từ những phân tích nêu trên có thể thấy kích cầu vào nông nghiệp, nông thôn là những việc làm hết sức cần thiết và đúng đắn.

Zanl zc ta nhận thức rõ vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông dân trong quá trình thực hiện các giải pháp tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, giữ vững an sinh xã hội, Đảng và Nhà nước đã dành sự quan tâm đáng kể cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp... Nhờ đó trong 20 năm qua, nông nghiệp Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng vào loại nhanh nhất thế giới. Nông nghiệp đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu ở nước ta. Năm 2009, nước ta bị ảnh hưởng nặng nề bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, trong nhiều giải pháp do Đảng và Chính phủ đề ra, nghị quyết TW7 (khoá 10) đã có những chính sách mới cho nông nghiệp, giúp đất nước vượt qua thách thức, góp phần đẩy lùi suy thoái, giữ vững sự tăng trưởng bền vững của kinh tế đất nước.

Các gói kích cầu của Chính phủ woi với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn đã giúp nông dân kịp thời giải quyết khó khăn về vốn cho sản xuất. Qua theo dõi, phân tích diễn biến tình hình kinh tế năm 2009, cho thấy việc triển khai gói kích cầu của Chính phủ woi với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn đã mang lại một số kết quả nhất định.

Thứ nhất: Kích cầu nông nghiệp, nông thôn trước hết đã đảm bảo sản xuất lương thực, đặc biệt là lúa tăng cả về diện tích và năng suất, sản lượng lương thực có hạt năm 2009 đạt 43,3 triệu tấn, tăng 24,4 nghìn tấn so với năm 2008, trong đó sản lượng lúa đạt 38,9 triệu tấn, tăng 165,7 nghìn tấn; thực hiện an ninh lương thực, an sinh xã hội.

Thứ hai: kích cầu vào nông nghiệp góp phần khá lớn vào xuất khẩu. Năm 2009, Việt Nam xuất khẩu được hơn 6 triệu tấn gạo, tăng hơn 33% so với năm

2007 (4,5 triệu tấn), tăng 30,4% so với năm 2008 (4,6 triệu tấn) mang lại giá trị kim ngạch khoảng 2,8 tỷ USD. Đây là con số kỷ lục từ trước đến nay và đưa Việt Nam trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng đầu khu vực. Thủy sản cũng vượt chỉ tiêu xuất khẩu với hơn 4,3 tỷ USD, riêng cá tra, cá basa đạt hơn 1,5 tỷ USD.

Thứ ba: giải quyết công ăn việc làm cho rất nhiều lao động phải trở về nông thôn do hậu quả khủng hoảng.

Thứ tư: Kích cầu vào nông nghiệp, nông thôn cho thấy có tính hiệu quả cao được thể hiện qua sức lan tỏa lớn, góp phần đẩy lùi suy thoái, wam bao sự tăng trưởng dl zng của kinh tế đất nước, tốc độ tăng GDP năm 2009 của Việt Nam đã đạt con số lạc quan 5,3% trong bối cảnh nền kinh tế thế giới suy giảm.

Song cũng còn nhiều tồn tại cần khắc phục

Số nông dân được tiếp cận nguồn vốn ưu đãi của chương trình quá ít, chủ yếu là các doanh nhân tham gia sản xuất nông nghiệp. Phần gói kích cầu bù lãi suất lẽ ra mang lại mức tăng trưởng tín dụng cao hơn, theo ước tính của các chuyên gia thì cũng phải khoảng 30%, thay vì 17% như thực tế. Như vậy, có nghĩa là có một tỷ lệ nhất định đã không đi vào sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp mà là nó có thể đã quay trở lại ngân hàng để trả nợ cũ, mà chúng ta vẫn thường gọi là đảo nợ. Một sngtạm chuyển qua tài khoản "tiết kiệm có thời hạn" để được hưởng lãi suất huy động. Số khác tạm đầu tư tài chính, ví dụ như tham gia thị trường chứng khoán (TTCK), hay thị trường bất động sản, đầu tư xây nhà cho thuê.

Việc tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi này của nohg dah không dễ dàng bởi còn nhiều trở ngại. Thủ tục vay ngân hàng của nông nghiệp còn khá phức tạp, còn rườm rà. Vướng mắc lớn nhất là do các ngân hàng vẫn áp dụng cơ chế tín dụng thông thường (có thế chấp), những hàng hoá được hỗ trợ lãi suất vốn vay phải là sản phẩm nội địa, tránh việc kích cầu cho hàng hoá nước ngoài, hóa đơn đỏ mua hàng, điều này hạn chế khả năng tiếp cận vốn của nhiều nông dân do những hộ sản xuất nhỏ lẻ thường mua vật tư với số lượng ít từ các đại lý cấp 2, 3 nên không có hóa đơn đỏ, chứng từ hợp lệ cũng là một trong những yêu cầu người dân khó đáp ứng. Ngoài ra, đa số nông dân đều đã vay vốn trung dài hạn hàng năm chưa trả hết nên khó được ngân hàng chấp nhận để cho vay thêm món mới...

Ngoài ra các gói kích thích kinh tế còn đi chưa hoàn toàn đúng địa chỉ, chủ yếu giúp doanh nghiệp nước ngoài ở Việt Nam (các doanh nghiệp FDI được hỗ trợ lãi suất 4%) và ngoài Việt Nam được hưởng nhiều do nước ta là nước nhập siêu, năm 2008 nhập siêu 17 tỷ USD, do đó không thể kích cầu đơn giản chỉ bằng cách tăng chi tiêu kích thích sản xuất và tiêu dùng vì khi ấy nhu cầu tăng thêm sẽ được thỏa mãn bởi hàng nhập khẩu chứ ít có tác dụng kích thích sản

xuất và an sinh xã hội trong nước. Các chuyên gia kinh tế cho rằng những nền kinh tế nhỏ có tỷ lệ nhập khẩu trong tổng tiêu dùng cao không thể kích cầu đơn giản chỉ bằng cách tăng chi tiêu và hạ lãi suất vì khi ấy, nhu cầu tăng thêm được thỏa mãn bởi hàng nhập khẩu và việc tăng cung tiền dẫn tới lạm phát.

Chủ trương những hàng hoá được hỗ trợ lãi suất vốn vay phải là sản phẩm nội địa, tránh việc kích cầu cho hàng hoá nước ngoài. Công nghiệp nước ta chủ yếu là gia công lắp ráp (60% nguyên phụ liệu nhập của nước ngoài). Một sản phẩm được công nhận là hàng có xuất xứ từ nước đó, thì sản phẩm đó phải có tỷ lệ nguyên, phụ liệu từ nước đó sản xuất chiếm từ 60% trở lên. Như vậy, những mặt hàng nông sản, thủy sản, sản phẩm làng nghề đúng nghĩa là hàng Việt Nam, những mặt hàng như may mặc, giày dép, đồ gỗ, điện tử 70 - 80% là gia công, công nghiệp nước ta chủ yếu là gia công lắp ráp do đó không thể kích cầu đơn giản chỉ bằng cách vận động ưu tiên dùng hàng Việt Nam kích thích sản xuất và tiêu dùng, giải pháp kích cầu tiêu dùng nếu không thận trọng sẽ có nguy cơ kích "nhầm" cho hàng ngoại.

Xuất khẩu nông sản nhiều, nhưng nông dân làm ra hạt gạo chưa được hưởng lợi thích đáng. Trong chuỗi giá trị làm nên hạt gạo, người nông dân làm trên 50% khối lượng công việc, giới kinh doanh gạo chỉ làm 10%, nhưng lại được hưởng tới 67% giá trị tăng thêm (xuất khẩu gạo đem về hơn 1 tỷ USD, chỉ có 15% số tiền này đến tay nông dân, còn lại các đại gia và cấp trung gian thu tóm). Do đó mục tiêu đẩy mạnh xuất khẩu gạo, nhằm đảm bảo cho người trồng lúa có lãi ít nhất 30% của Chính phủ chưa đến được tay nông dân trong năm 2009. Việt Nam đang chạy theo số lượng xuất khẩu gạo mà quên mất lợi ích của việc xuất khẩu gạo và lợi ích của người nông dân.

Các gói hỗ trợ này cũng góp phần làm tăng nguy cơ lạm phát - việc mà chúng ta đang cố kiềm chế. Một số yếu tố chủ yếu có thể sẽ tác động làm tăng nguy cơ tái lạm phát cao trở lại. Hai yếu tố chính dẫn đến tình trạng này là chính sách nới lỏng tiền tệ, tăng đột biến tổng dư nợ ngân hàng mà không quản lý được mục đích sử dụng và kha nạp thâm hụt ngân sách cao vì số tiền bù lãi suất là được trích từ dự trữ ngoại hối, từ ngân sách Nhà nước dẫn đến thâm hụt ngân sách và dự trữ ngoại hối ở mức cao và nguy hiểm. Việc triển khai gói hỗ trợ lãi suất, tăng dư nợ tín dụng tăng trưởng tín dụng đang ở mức cao do thực hiện các chính sách tài chính, tiền tệ nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế; giá của các mặt hàng nước ta nhập khẩu với khối lượng lớn trên thị trường thế giới bắt đầu có xu hướng tăng cao do sự phục hồi của kinh tế toàn cầu, đặc biệt giá xăng dầu. Bội chi ngân sách tăng trong bối cảnh chính sách tiền tệ nới lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ lạm phát cao trở lại. Tổng bội chi ngân sách năm 2009 bằng 6,9% GDP, cao hơn nhiều so với mức 4,95% của năm 2008.

Đề gói kích cầu nông nghiệp phát huy hiệu quả hơn

1 - Tạo thuận lợi cho nông dân có vốn sản xuất

Cần có chính sách hỗ trợ nông dân mua máy móc, vật tư đầu tư vào sản xuất, có thể bằng hình thức bán chịu hoặc cho không cũng như các giải pháp để nâng cao chất lượng nông sản, giảm tổn thất sau thu hoạch. Có thể cấp tiền (hay phiếu mua hàng) trực tiếp cho người nghèo.

Tạo cơ chế phù hợp để các tổ chức tín dụng (TCTD) chuyển vốn về cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; có chính sách để khách hàng dễ dàng tiếp cận nguồn vốn tín dụng, không đòi hỏi phải có sổ hồng, sổ đỏ nhà đất để thế chấp; nông dân chỉ cần có địa chỉ cư trú hợp pháp được Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn xác nhận là người trực tiếp sản xuất là đủ điều kiện vay vốn.

2 - Tăng cường gói kích cầu cho sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch từ khâu trồng trọt chăn nuôi đến chế biến.

Tình trạng sử dụng hóa chất bừa bãi trong thực phẩm chế biến, sử dụng các loại thức ăn gia súc, gia cầm không hợp lý, bơm hóa chất kích thích tăng trưởng vào tôm dẫn đến hàm lượng các chất tồn dư, kháng sinh, kim loại nặng trong thực phẩm cao, khiến thị trường nước ngoài từ chối nhập khẩu, cùng với tình trạng giết mổ gia súc heo bệnh, trâu bò bệnh để cung cấp cho thị trường làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người tiêu dùng. Có thể nói dù Việt Nam có nhiều thế mạnh về nông nghiệp nhưng chưa ứng dụng chu trình nông nghiệp an toàn để thỏa mãn nhu cầu đòi hỏi nghiêm khắc về chế độ nuôi trồng và tiêu chuẩn cao của giới tiêu thụ nên gặp khó khăn lớn trong việc xuất khẩu, kể cả cạnh tranh với hàng ngoại ngay tại sân nhà. Theo đánh giá ngành nông nghiệp Việt Nam thất thu 1 tỷ USD/năm do vệ sinh an toàn thực phẩm không tốt.

Khuyến khích chuyển mạnh sang phát triển nền nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái. Vì theo báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đầu năm 2009 thì hiện nay diện tích rau an toàn ở Việt Nam mới chỉ đạt 8,5%, diện tích cây ăn quả an toàn mới chỉ đạt 20%.

3 - Cần có chính sách giá cả hàng hóa công nghiệp và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp hợp lý

Một thực tế khách quan trong những năm qua ở Việt Nam là giá nguyên vật liệu vật tư phân bón thuốc trừ sâu nông nghiệp không ngừng tăng cao. Nhiều loại vật tư nông nghiệp như phân đạm tăng 2 - 3 lần, trong khi giá các loại nông sản chỉ tăng khoảng 1,3 lần. Cánh kéo giá nông sản và giá sản phẩm công nghiệp ngày càng chênh lệch, giá cả biến động bất lợi đối với sản phẩm nông nghiệp. Kết quả là, giá rau quả Việt Nam cao hơn các nước trong khu vực (sầu riêng Việt Nam đắt hơn sầu riêng Thái Lan, mía cây của Thái Lan rẻ hơn của Việt Nam), giá 1 tấn thịt heo hơi xuất khẩu của Mỹ là 600 USD, của Trung

Quốc là 650 USD, của Việt Nam 1000USD, giá cá basa của ta đắt hơn Trung Quốc, Myanmar, do đó làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

Cần có chính sách giá cả hàng hóa công nghiệp và dịch vụ hợp lý nhằm nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh hàng hoá nông sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế.

Quản lý chặt chẽ giá vật tư nông nghiệp và tổ chức mạng lưới phân phối, ưu đãi và trợ cấp về giá, khắc phục tình trạng đầu cơ, nâng giá, ép giá.

4 - Đảm bảo tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân

Điệp khúc “Được mùa - rớt giá” vẫn diễn ra hàng năm, nguồn hàng thừa thiếu tùy thời điểm. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kho dự trữ 4 triệu tấn lúa gạo để chủ động trong xuất khẩu và thu mua lúa ở Đồng bằng sông Cửu Long.

5 - Thực hiện bảo hiểm nông nghiệp

Ngoài ô nhiễm môi trường ngày càng nặng, nước ta lại bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu thế giới (theo Liên Hiệp Quốc, Việt Nam nằm trong 10 nước hàng đầu trên thế giới bị thiệt hại do thiên tai), ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất nông nghiệp, tác động không thuận lợi đến phát triển bền vững nông nghiệp. Kết quả là bão, lụt, lũ, hạn hán, dịch bệnh xảy ra ngày càng nghiêm trọng. Mỗi năm Việt Nam có khoảng 750 người chết và mất tích vì thiên tai, tổng thiệt hại tài sản, chủ yếu là nông nghiệp ước tính tương đương 1,5% GDP.

Thực hiện bảo hiểm nông nghiệp - Đây là hình thức cần phát huy, nhất là khi chúng ta tham gia WTO, khi qua thời kỳ khủng hoảng hình thức gói kích cầu chính là biện pháp trợ cấp nông nghiệp mà WTO không cho phép. Sản xuất nông nghiệp có rủi ro rất cao, Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ cụ thể đối với nông dân bị thiệt hại nặng do thiên tai dịch bệnh, không có khả năng trả nợ, TCTD có chính sách ưu đãi lãi suất để khuyến khích khách hàng mua bảo hiểm trong nông nghiệp, cần xem xét cơ cấu lại thời hạn nợ cho khách hàng, nếu khách hàng chưa trả được nợ đúng hạn do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh...), đồng thời xem xét cho khách hàng vay mới để phục vụ sản xuất kinh doanh nếu dự án, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng trả được nợ. Việc cho vay mới không phụ thuộc vào dư nợ cũ của khách hàng.

6 - Cần xây dựng các rào cản kỹ thuật và môi trường

Phải có hàng rào kỹ thuật để ngăn hàng hóa nông lâm thủy sản của nước ngoài không đạt tiêu chuẩn, ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của người dân. Ngoài ra để ngăn hàng hóa giá rẻ tràn vào trong nước, khuyến khích người dân ưu tiên sử dụng hàng sản xuất trong nước. Đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu. Từ đó giúp người nông dân thực sự yên tâm, làm ăn có lãi.

7 - Nâng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp

Ở nước ta đầu tư cho nông nghiệp còn thấp. Tỷ trọng đầu tư của ngân sách Nhà nước cho ngành nông nghiệp đang giảm qua các năm. Trong cả nước tỷ trọng ngân sách dành cho nông nghiệp chỉ đạt 5 - 6% ngân sách Nhà nước, bằng 3 - 6% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, bằng 1 - 1,5% tổng GDP. So với tỷ trọng ngân sách dành cho nông nghiệp của Trung Quốc chiếm 18% tổng chi ngân sách, Ấn Độ và Thái Lan chiếm 8 - 16%, ở các nước Đông và Nam Á khác, tỷ lệ trung bình đạt 8 - 9% trong năm 1990 -1993. Trong giai đoạn 2001 - 2005 tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn bằng 10% tổng vốn đầu tư của cả nền kinh tế, trong đó vốn ngân sách Nhà nước chiếm 25,8%, vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình chiếm 63,7%. Kết quả là tốc độ tăng trưởng GDP nông nghiệp đã có dấu hiệu chững lại, cụ thể năm 1995 là 4% nhưng đến năm 2005 giảm xuống còn 3,7% và đến năm 2006 giảm xuống chỉ còn 2,84%.

Để nông nghiệp phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và an sinh xã hội, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước đóng vai trò quan trọng và phải nâng mức đầu tư cho nông nghiệp nước ta ít nhất trên 18% tổng ngân sách. Cần đầu tư một cách tổng thể: Cải tạo giống nông sản chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn, trong đó tập trung thuỷ lợi, giao thông, hỗ trợ mua máy móc. Ngoài ra còn đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại..

8 - Chính sách đất đai, hạn điền

Xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị mới, sân golf đã làm giảm đất nông nghiệp, nhất là đất lúa đe dọa đến an ninh lương thực. Giá đất tăng đẩy chi phí sản xuất kinh doanh lên cao đưa đến giá cả sản phẩm hàng hóa sản xuất và tiêu dùng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân. Theo đánh giá chính sách đất đai đã tác động không thuận lợi đến phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Nông dân thiếu đất sản xuất do chuyển sang mục đích công nghiệp hóa và đô thị hóa.

Nhà nước cần có chính sách đất đai đảm bảo an ninh lương thực, sản xuất nông nghiệp, nông thôn bền vững.

Thừa nhận quyền sở hữu ruộng đất của nông dân.

Quy định mức hạn điền đối với đất nông nghiệp tránh tình trạng tập trung đất đai quá nhiều vào một chủ thể. Tổ chức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp cho nông dân cá thể.

Cần có chính sách đền bù đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, thủy sản khi chuyển sang mục đích xây dựng đường xá giao thông, đô thị hóa...